

Số: 1485 /QĐ-UBND

Duyên Hải, ngày 01 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai quyết toán
ngân sách năm 2021 của thị xã Duyên Hải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/7/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Xét Tờ trình số 85/TTr - PTCKH ngày 29/7/2022 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Duyên về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của thị xã Duyên Hải (đính kèm các mẫu theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

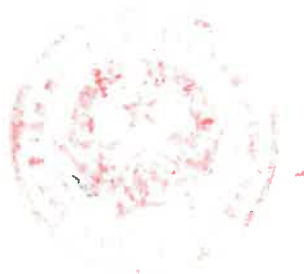
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Các phòng, ban ngành thị xã (03 hệ);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Nhân





ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Biểu số 96/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	395.332	561.007	141,91
1	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	76.800	95.272	124,05
-	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	29.050	37.958	130,66
-	Thu ngân sách thị xã hưởng từ các khoản thu phân chia	47.750	57.314	120,03
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	316.854	316.854	100,00
-	Thu bổ sung cân đối	232.323	232.323	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	84.531	84.531	100,00
3	Thu viện trợ			
4	Thu kết dư		83.027	
5	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		64.176	
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	1.678	1.678	
7	Thu huy động, đóng góp			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	514.424	472.729	91,89
I	Chi cân đối ngân sách thị xã	474.859	433.164	91,22
1	Chi đầu tư phát triển	111.500	103.344	92,69
2	Chi thường xuyên	290.651	257.112	88,46
3	Dự phòng ngân sách			
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
5	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	
	<i>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</i>			
	<i>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</i>			
6	Chi chuyển giao			
7	Chi nộp ngân sách cấp trên	14.900	14.900	100,00
8	Chi chuyển nguồn sang năm sau	57.808	57.808	100,00
II	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	39.565	39.565	100,00
1	Bổ sung cân đối	39.565	39.565	100,00
2	Bổ sung có mục tiêu			



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1485 /QĐ-UBND ngày 04 / 8 /2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	410.754	395.332	580.666	561.007	141,37	141,91
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	79.000	76.800	101.708	95.272	128,74	124,05
I	Thu nội địa	79.000	76.800	101.708	95.272	128,74	124,05
1	Thu từ kinh tế quốc doanh			10	3		
	- Thuế giá trị gia tăng			5	3		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			5			
	- Thu khác						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý			234	132		
	- Thuế giá trị gia tăng			73	68		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			161	64		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	46.340	46.340	53.678	53.678	115,84	115,84
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	40.716	40.716	51.820	51.820	127,27	127,27
	- Thuế giá trị gia tăng						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)			
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã		
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2		
		- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.534	4.534	1.664	1.664	36,70	36,70	
		- Thuế tiêu thụ đặc biệt	170	170	145	145	85,29	85,29	
		- Thuế tài nguyên	920	920	49	49	5,33	5,33	
		- Thuế thu nhập cá nhân							
		- Thuế môn bài							
		- Thu khác							
		5	9.500	9.500	12.784	12.784	134,57	134,57	
		6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
		7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	316	316	105,33	105,33
8	Thuế thu nhập cá nhân	8.300	8.300	11.563	11.563	139,31	139,31		
9	Thuế bảo vệ môi trường								
10	Phí, lệ phí	5.000	5.000	2.812	1.114	56,24	22,28		
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu			1.695					
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu								
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản								
11	Thu tiền sử dụng đất	5.000	5.000	11.608	11.608	232,16	232,16		
12	Thu khác ngân sách	4.400	2.200	7.517	2.888	170,84	131,27		
	Trong đó: - Thu phạt ATGT TW	-	-	-					
13	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	160	160	695	695	434,38	434,38		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			8	8				
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác								
17	Thu từ bán tài sản nhà nước								
18	Thu từ cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu của nhà nước			483	483				
II	Thu về đầu thô								
III	Thu cân đối từ hoạt động XNK								
IV	Thu Viện trợ								
V	Thu khoản huy động, đóng góp								
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	331.754	318.532	331.755	318.532	100,00	100,00
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	316.854	316.854	316.855	316.854	100,00	100,00
1.	Bổ sung cân đối	232.323	232.323	232.324	232.323	100,00	100,00
2.	Bổ sung có mục tiêu	84.531	84.531	84.531	84.531		
2.1	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>						
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>	-	-	-	-		
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	14.900	1.678	14.900	1.678		
D	THU CHUYỂN NGUỒN	-	-	64.176	64.176		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH	-	-	83.027	83.027		



STT	Nội dung	Dự toán	Bảo gồm		Quyết toán	Bảo gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã		Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã	Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
V	Chi các chương trình mục tiêu	50	-	50	50	-	50	100,00		100,00
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	50		50	50		50	100,00		100,00
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ									
VI	CHI CHUYỂN GIAO									
VII	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	14.900	13.223	1.678	14.900	13.223	1.678			
VIII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	57.808	32.576	25.232	57.808	32.576	25.232			
B	CHI BỔ SUNG CHO NS CẤP DƯỚI	39.565	39.565		39.565	39.565		100,00	100,00	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 99/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 14/5 /QĐ-UBND ngày 01/ 8 /2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	425.631	393.612	92,48
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	39.565	39.565	100,00
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO LĨNH VỰC	353.490	321.471	90,94
	<i>Trong đó:</i>			
I	Chi đầu tư phát triển	110.663	102.891	92,98
1	Chi đầu tư cho các dự án		99.479	
2	Chi đầu tư phát triển khác		3.412	
3	Chi đầu tư phát triển khác (Chi nguồn vốn ODA hình thức GT-GC)			
II	Chi thường xuyên	229.604	205.357	89,44
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	86.238	80.964	93,88
2	Chi khoa học và công nghệ	1.155	549	47,53
3	Chi y tế, dân số và gia đình			
4	Chi Văn hóa - Thông tin	2.744	2.496	90,96
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
6	Chi thể dục thể thao	371	148	
7	Chi bảo vệ môi trường	5.298	3.397	64,12
8	Chi các hoạt động kinh tế	42.243	38.156	90,33
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	52.324	41.190	78,72
10	Chi bảo đảm xã hội	36.349	36.067	99,22
11	Chi khác	2.882	2.390	82,93
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự phòng tài chính			
V	Dự phòng ngân sách			
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên	13.223	13.223	
VIII	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-		

	Bổ sung cân đối	-		
	Bổ sung có mục tiêu	-		
C	Chi các chương trình mục tiêu	-		
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ			
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	32.576	32.576	



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN						QUYẾT TOÁN						SO SÁNH (%)			
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI CHUYỂN NGUYÊN NGÂN SÁCH NĂM SAU	
			CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTQG)	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14-7/11	15-8/2	16-9/3
	TỔNG SỐ	425.631	110.663	314.967	-	-	-	393.612	102.891	205.356	-	-	-	-	92,5	93,0	65,2
I	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC	340.267	110.663	229.603	-	-	-	308.248	102.891	205.356	-	-	-	-	90,6	93,0	89,4
1	Phòng Tư pháp	823		823				742		742					90,2		90,2
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.134		1.134				864		864					76,2		76,2
3	Phòng Quản lý đô thị	36.190		36.190				33.888		33.888					93,6		93,6
4	Phòng Kinh tế	7.102		7.102				4.365		4.365					61,5		61,5
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	82.623		82.623				78.947		78.947					95,6		95,6
6	Phòng Y tế	3.880		3.880				2.888		2.888					74,4		74,4
7	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	38.629		38.629				37.229		37.229					96,4		96,4
8	Phòng Văn hoá Thông tin	639		639				587		587					91,9		91,9
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	15.269		15.269				10.972		10.972					71,9		71,9
9	Thanh tra	273		273				270		270					98,9		98,9
10	Văn phòng Thị ủy và HĐND-UBND	23.509		23.509				16.908		16.908					71,9		71,9
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.092		1.092				876		876					80,2		80,2
11	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	867		867				855		855					98,6		98,6
11	Hội Liên hiệp Phụ nữ	795		795				716		716					90,1		90,1
9	Hội Nông dân	594		594				546		546					91,9		91,9
10	Hội Cựu chiến binh	507		507				489		489					96,4		96,4
10	Trung tâm Văn hoá - thông tin TT	3.271		3.271				2.800		2.800					85,6		85,6
11	Hội Chữ thập đỏ	496		496				429		429					86,5		86,5
11	Trung tâm Bồi Dưỡng chính trị	1.200		1.200				597		597					49,8		49,8

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				SỐ SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTOG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTOG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTOG	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTOG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTOG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTOG	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTOG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MTOG)
21	Trung tâm GGNN-GGTX	2.200		2.200	-	2.200		2.200	100,0		100,0
22	Công An	3.095		3.095	-	3.076		3.076	99,4		99,4
23	Quản sự	2.514		2.514	-	2.514		2.514	100,0		100,0
24	Ban quản lý dự án	110.663	110.663		-	102.891	102.891				93,0
25	Ủy ban Bầu cử	1.036		1.036	-	733		733	70,8		70,8
26	Chi khác	1.864		1.864	-	1.864		1.864	100,0		100,0
II	Dự phòng ngân sách	-		-	-	-		-			
III	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	-		-	-	-		-			
IV	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	39.565		39.565	-	39.565		39.565	100,0		100,0
V	Chi chuyển nguồn	32.576		32.576	-	32.576		32.576			

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO NGÂN SÁCH TUNG XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 14/85-QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán						So sánh (%)					
		Bổ sung có mục tiêu			Bổ sung cân đối			Bổ sung có mục tiêu			Bổ sung cân đối			Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung nghiệp vụ để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung nghiệp vụ để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Tổng số	Bổ sung cân đối	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung nghiệp vụ để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7/1	14=8/2	15=9/3	16=10/4	17=11/5	18=12/6
	TỔNG SỐ	39.565	24.148	15.417	-	15.417	-	39.565	24.148	15.417	-	15.417	-	100	100	100	100	100	100
1	Phường 1	4.811	2.483	2.328		2.328		4.811	2.483	2.328		2.328		100	100	100	100	100	
2	Phường 2	4.187	2.387	1.800		1.800		4.187	2.387	1.800		1.800		100	100	100	100	100	
3	Xã Long Toàn	4.529	2.762	1.767		1.767		4.529	2.762	1.767		1.767		100	100	100	100	100	
4	Xã Long Hữu	9.445	5.916	3.529		3.529		9.445	5.916	3.529		3.529		100	100	100	100	100	
5	Xã Dân Thành	4.142	1.188	2.954		2.954		4.142	1.188	2.954		2.954		100	100	100	100	100	
6	Xã Trường Long Hòa	6.355	4.766	1.589		1.589		6.355	4.766	1.589		1.589		100	100	100	100	100	
7	Xã Hiệp Thành	6.097	4.648	1.449		1.449		6.097	4.648	1.449		1.449		100	100	100	100	100	







QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết toán										So sánh (%)										
		Dự toán		Chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM					Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					Trong đó								
		Tổng số	Trong đó	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp							
	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=4/1	19=5/2	20=8/3	
		50	-	50	50	-	-	-	50	50	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	100
I	Ngân sách cấp thị xã	50	-	50	50	-	-	-	50	50	-	50	-	-	-	-	50	50	100	-	-	100
II	Ngân sách xã	10		10	10				10	10		10					10	10	100			100
1	Xã Long Toàn	10		10	10				10	10		10					10	10	100			100
2	Xã Long Hữu	10		10	10				10	10		10					10	10	100			100
3	Xã Dân Thành	10		10	10				10	10		10					10	10	100			100
4	Xã Trường Long Hòa	10		10	10				10	10		10					10	10	100			100
5	Xã Hiệp Thành	10		10	10				10	10		10					10	10	100			100



Duyên Hải, ngày 01 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH
Quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2021

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/7/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải thuyết minh quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2021, như sau:

I. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 580.666.783.720 đồng.

Ngân sách địa phương hưởng: 561.007.575.826 đồng.

1. Thu theo dự toán 95.272.075.515 đồng, đạt 124,05% so dự toán.

1.1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 53.677.846.571 đồng, đạt 115,83% so với dự toán:

- Thuế giá trị gia tăng: 51.820.644.251 đồng, đạt 127,27% so với dự toán;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.663.648.113 đồng, đạt 36,69% so với dự toán;

- Thuế tài nguyên: 48.553.174 đồng, đạt 5,28% so với dự toán;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 145.001.033 đồng, đạt 85,29% so với dự toán.

1.2. Thuế thu nhập cá nhân: 11.562.993.900 đồng, đạt 139,31% so với dự toán;

1.3. Thu lệ phí trước bạ: 12.784.257.385 đồng, đạt 134,57% so với dự toán;

1.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 316.114.497 đồng, đạt 105,37% so với dự toán;

1.5. Thu phí và lệ phí: 1.114.078.000 đồng, đạt 22,28% so với dự toán;

1.6. Thu tiền sử dụng đất: 11.608.120.900 đồng, đạt 232,16% so với dự toán;

1.7. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 7.560.000 đồng;

- 1.8. Thu khác ngân sách: 2.888.349.558 đồng, đạt 131,29% so với dự toán;
- 1.9. Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước: 694.870.488 đồng, đạt 434,29% so với dự toán;
- 1.10. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước: 482.726.000 đồng;
- 1.11. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 135.158.216 đồng;
- 2. Thu các khoản không giao dự toán: 148.881.070.049 đồng:**
- Thu chuyển nguồn năm trước sang: 64.175.757.477 đồng.
 - Thu kết dư ngân sách năm trước: 83.027.173.772 đồng.
 - Thu ngân sách cấp dưới nộp cấp trên: 1.678.138.800 đồng.
- 3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 316.854.430.262 đồng:**
- Bổ sung cân đối: 232.323.612.000 đồng;
 - Bổ sung có mục tiêu: 84.530.818.262 đồng.
- * Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách thị xã: 277.288.958.892 đồng:**
- + Bổ sung cân đối: 208.175.000.000 đồng;
 - + Bổ sung mục tiêu: 69.113.958.892 đồng;
- II. Tổng chi ngân sách địa phương: 472.729.682.263 đồng.**
- 1. Chi ngân sách thị xã: 393.612.644.861 đồng, đạt 92,48% so với dự toán.**
- 1.1. Chi xây dựng cơ bản: 102.891.405.352 đồng, đạt 92,98% so dự toán:**
- Hương lộ 81 - Cồn Ông xã dân Thành thị xã Duyên Hải: 37.832.000 đồng;
 - Nâng cấp mở rộng công trình Đường 30/4 Phường 1 thị xã Duyên Hải: 3.170.441.779 đồng;
 - Đầu tư nâng cấp mở rộng đường Điện Biên Phủ thị xã Duyên Hải: 993.431.340 đồng;
 - Xây dựng Trung tâm hành chính xã Dân Thành thị xã Duyên Hải: 2.612.816.480 đồng;
 - Đường nhựa nối dài ấp Thống Nhất đến Trạm Y tế xã Long Toàn: 12.395.000 đồng;
 - Đường đân Giồng Dài - Rạch Khém: 14.118.000 đồng;
 - Đường nhựa từ cống QL53 đến giáp Trà Khúp xã Ngũ Lạc: 38.093.000 đồng;
 - Đường khóm 3 (Đoạn từ nhà chú 6 Khởi đến đường 3-2): 17.744.000 đồng;
 - Nâng cấp mở rộng Đường Bến Chuối: 10.869.867.821 đồng;
 - Đường nhựa từ quốc lộ 53 đến Phước Bình: 8.363.123.458 đồng;
 - Công viên văn hóa xã Dân Thành: 2.175.133.000 đồng;

- Nâng cấp sửa chữa sân đường cột cờ hệ thống chiếu sáng phục vụ tuyền quân: 3.116.000 đồng;
- Xây dựng nhà ăn Ủy ban nhân dân xã Long Toàn: 6.555.000 đồng;
- Xây dựng Cầu Long Hữu: 9.347.000 đồng;
- San lấp mặt bằng khu hành chính phường 2: 5.624.000 đồng;
- Nâng cấp sửa chữa Cầu Cao: 1.496.077.876 đồng;
- Nâng cấp sửa chữa đường đan Rạch Hầm: 976.229.000 đồng;
- Khu hành chính tập trung phường 2 thị xã Duyên Hải: 836.000.000 đồng;
- Nâng cấp sửa chữa Đường nhựa Quốc lộ 53B – Cầu Ấp Mới xã Dân Thành: 2.066.994.257 đồng;
- Đường đan từ kênh Ngã Cái đến Bờ 57 (giai đoạn 2): 826.646.825 đồng;
- Trường THCS Nguyễn Đức Toàn (Hạng mục: Khối 04 phòng chức năng; nhà bảo vệ): 1.841.483.000 đồng.
- Trường MG Hướng Dương (Hạng mục: Nâng cấp sân đường): 960.000.000 đồng;
- Đường nhựa từ Lý Tự Trọng đến Trụ Sở khóm 3: 5.741.153.268 đồng;
- Xây dựng 3 phòng chức năng xã Long Toàn: 970.834.000 đồng;
- Đường đan ấp Bào Sen: 1.312.899.000 đồng;
- Đường đan Cầu Phước Bình 1 đến sông Láng chim: 2.000.000.000 đồng;
- Đường nhựa từ trường tiểu học Kim Đồng đến đường 30/4: 1.363.863.000 đồng;
- Đường nhựa Giồng Trôm (giai đoạn 2): 3.781.603.000 đồng;
- Đường đan ngọn Ông Cội: 1.856.463.000 đồng;
- Cầu và đường đan Kênh Suôi: 2.050.000.000 đồng;
- Đường khóm 2 nối dài: 38.250.000 đồng;
- Đường đan từ Tỉnh lộ 913 đến Bến Lò: 2.000.000.000 đồng;
- Nâng cấp sửa chữa Cầu Cồn Tàu: 4.100.000.000 đồng;
- Đường đan từ Hương Lộ 81 đến khu Thực Nghiệm: 2.162.166.000 đồng;
- Đường nhựa Đường Khai - Giồng Giếng (giai đoạn 2): 2.153.978.000 đồng;
- Nâng cấp sửa chữa đường đan từ 19/5 đến đường Điện Biên Phủ - QL53 (Nhà chú Hai Long - Khóm 2): 1.040.000.000 đồng.
- Nâng cấp sửa chữa Đường Nội đồng từ Điểm học Hải Đăng đến quốc lộ 53B: 2.735.284.520 đồng;
- Đường nhựa và hệ thống thoát nước khóm 4 phường 1: 5.090.149.000 đồng.
- Đường nhựa từ Trường Trung học cơ sở Long Toàn đến đường nhựa Phước An: 1.263.699.637 đồng;
- Nâng cấp mở rộng Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ 19-5 đến Quốc Lộ 53): 11.298.292.821 đồng;
- Nâng cấp sửa chữa đường 19/5 phường 1 thị xã Duyên Hải: 8.392.701.270 đồng;

- Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân khóm 1 phường 1: 770.000.000 đồng;
- Ban chỉ huy quân sự thị xã Duyên Hải (Hạng mục: Nâng cấp mở rộng Ban chỉ huy Quân sự xây dựng nhà ở dân quân cơ động hàng rào khu vực Ban chỉ huy): 1.620.000.000 đồng;
- Nâng cấp cải tạo Hội trường Thị ủy khối nhà làm việc khối vận - Mặt trận: 405.000.000 đồng;
- Chi trích nộp nguồn 30% trích lập Quỹ phát triển đất năm 2021 của thị xã Duyên Hải về Quỹ phát triển đất của tỉnh: 3.412.000.000 đồng.

1.2. Chi các hoạt động kinh tế: 38.156.332.648 đồng, đạt 90,33% so dự toán:

****Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:***

- Chi cho Phòng Kinh tế: Chi xây dựng nhà xe và nhà vệ sinh; Kinh phí mua bảo hiểm Phòng cháy chữa cháy phục vụ chợ Phường 1; Kinh phí hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề cho hộ gia đình, cá nhân làm nghề đóng đáy biển ven bờ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2021 theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh; Nâng lương đến niên hạn và bổ sung lương và hoạt động cho biên chế được cấp có thẩm quyền giao số tiền: 3.023.081.000 đồng.

- Chi cho Phòng Tài nguyên và Môi trường: Hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng cho bà Nguyễn Thị Màu; Chi bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông Phạm Công Luận; Chi trả giá trị quyền sử dụng đất trong giải quyết khiếu nại của bà Lâm Ngọc Thệ (theo Công văn số 2972/STC-NS ngày 26/10/2021); Mua máy vi tính xách tay; Nâng lương đến niên hạn tổng số tiền: 6.873.164.800 đồng.

- Chi cho phòng Quản lý đô thị: Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng (xe ô tô tải) trang bị cho phòng Quản lý đô thị; Nâng cấp, sửa chữa đường vào Bãi chứa rác thị xã; Sửa chữa bó vỉa lề đường khu vực vòng xoay ngã 5 thị xã; Cải tạo hàng rào UBND thị xã (đoạn lý thường kiệt); Kinh phí sửa chữa các tuyến đường GTNT trên địa bàn thị xã; Kinh phí sửa chữa hệ thống chiếu sáng, đèn, chỉnh trang đô thị phục vụ tết nguyên đán năm 2022 trên địa bàn thị xã Duyên Hải; Lắp đặt đèn tín hiệu an toàn giao thông các tuyến đường trên địa bàn thị xã Duyên Hải; Xây dựng vỉa hè đường Nguyễn Trãi (đoạn cạp hàng rào sân vận động thị xã Duyên Hải); Kinh phí điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040; Kinh phí sửa chữa khu cách ly phòng chống, dịch Covid-19 tổng số tiền: 13.525.446.064 đồng.

Sự nghiệp mang tính chất đầu tư: 17.760.405.000 đồng.

*** Phòng Quản lý đô thị: 17.072.701.000 đồng.**

- Hệ thống chiếu sáng khu vực cầu Láng Chim, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải: 787.000.000 đồng;

- Hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 53B (Đoạn từ ngã tư Trường THCS Trường Long Hòa đến ngã ba đường vào Thiên viện Trúc Lâm): 2.034.137.000 đồng;

- Hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 53B (Đoạn từ Trường THCS, THPT Dân Thành đến cầu Cồn Tàu): 1.630.054.000 đồng;
- Xây dựng hệ thống chiếu sáng Tỉnh lộ 914 (đoạn từ Quốc lộ 53 đến Trường Tiểu học Châu Văn Liêm): 1.118.400.000 đồng;
- Thay đèn cao áp bằng đèn led tuyến đường số 1 (từ Vòng xoay ngã 5 đến cầu Bà Phó): 970.400.000 đồng;
- Trồng cây xanh Công viên văn hóa xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải: 3.596.852.000 đồng;
- Trồng cụm Hoa Giấy xen kẻ Phi Lao tuyến Quốc lộ 53B (đoạn từ cầu Láng Chim đến Trường Trung học cơ sở Trường Long Hòa): 1.170.411.000 đồng;
- Lắp đặt đèn tín hiệu an toàn giao thông các tuyến đường trên địa bàn thị xã Duyên Hải: 3.359.500.000 đồng;
- Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè đường Nguyễn Trãi (Đoạn cặp hàng rào sân vận động thị xã Duyên Hải): 1.101.147.000 đồng;
- Nâng cấp, sửa chữa đường vào bãi chứa rác thị xã: 724.400.000 đồng;
- Nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng từ cầu Lộ Đá mới đến Cổng chào thị xã Duyên Hải: 580.400.000 đồng;
- * **Phòng Kinh tế: 687.704.000 đồng:**
- Nạo vét 05 kênh nội đồng thị xã Duyên Hải: 411.528.000 đồng;
- Hệ thống thoát nước Khâu Lầu, ấp Cồn Trúng, xã Trường Long Hòa: 276.176.000 đồng;

1.3. Chi Văn hóa thông tin: 2.496.292.960 đồng, đạt 90,97% so với dự toán:

*** Chi bổ sung dự toán với các nội dung:**

- Phòng Văn hóa và Thông tin: Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Chi nâng lương đến niên hạn; Mua máy tính để bàn 03 cái FPT Elead T9400IS với tổng số tiền: 52.069.000 đồng.

- Trung tâm Văn hóa - Thông tin thể thao: Kinh phí bảng đèn led cổng UBND thị xã; Kinh phí bảng đèn led sảnh UBND thị xã; Kinh phí bảng đèn led cổng Thị ủy; Kinh phí bảng đèn led đầu chợ Duyên Hải; Kinh phí mua sắm cụm loa không dây cấp cho các xã, phường; Kinh phí tham gia Ngày sách (21/4); Kinh phí sửa chữa nền thư viện; Kinh phí Pano cổng lộ đá; Kinh phí Pano Cầu C16; Kinh phí tăng lương và các khoản đóng góp theo lương đến niên hạn; Kinh phí làm pano tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh Covid-19; Chi tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Mua máy tính xách tay HP G8 245 469V9PA 01 cái; Mua máy tính xách tay HP G8 245 469V9PA 01 cái với tổng số tiền: 1.147.074.000 đồng.

1.4. Chi Thể dục - Thể thao: 148.391.596 đồng, đạt 40% so với dự toán:

1.5. Chi Bảo đảm xã hội: 36.067.009.000 đồng, đạt 99,22% so với dự toán:

*** Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:**

- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội: Thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị Quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021; Hội nghị tổng kết hoạt động nhiệm kỳ (2016-2021) và Liên hoan tiếng hát người cao tuổi; Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm thảm họa da cam Việt Nam; Kinh phí hỗ trợ thôi việc; Chi hỗ trợ khó khăn cho người dân bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 ngoài kế hoạch 59/KH-UBND ngày 13/7/2021; Chi hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ (theo Công văn số 2364/STC-NS ngày 02/9/2021); Đào tạo cho lao động nông thôn; Kinh phí Ban chỉ đạo đề án hỗ trợ người có công cách mạng khó khăn về nhà ở; Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ số 20/2021 NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Chi trả hỗ trợ Covid-19 (bổ sung thu hồi tạm ứng) với tổng số tiền: 27.271.915.250 đồng.

1.6. Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 80.963.948.277 đồng, đạt 93,88% so dự toán:

1.6.1. Chi sự nghiệp Giáo dục: 78.118.269.657 đồng, đạt 93,01% so dự toán.

*** Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:** Kinh phí mua phần mềm quản lý tuyển sinh; Kinh phí gia hạn phần mềm Bảo hiểm y tế; Kinh phí mua phần mềm quản lý học tập trực tuyến EMS; Kinh phí mua phần mềm quản trị và lưu trữ hồ sơ điện tử; Kinh phí chi thực hiện Chương trình sửa học đường năm học 2020 - 2021 đối với các Điểm trường Mầm non, Mẫu giáo và Tiểu học; Kinh phí trang bị quản lý và số hóa minh chứng phổ cập giáo dục thực hiện chữ ký số và ký điện tử ngành giáo dục tổng số tiền: 1.575.216.048 đồng.

Sự nghiệp mang tính chất đầu tư: 1.765.106.000 đồng:

- Trường THCS Chu Văn An (Hạng mục nâng cấp mở rộng sân đường, hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh học sinh): 396.106.000 đồng.

- Trường THCS Nguyễn Đăng (Hạng mục nâng cấp, sửa chữa hàng rào, nhà xe): 490.000.000 đồng;

- Trường mầm non Tuổi Ngọc (hạng mục nâng cấp công, sân đường, hệ thống thoát nước): 879.000.000 đồng;

1.6.2. Chi Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 2.200.129.000 đồng, đạt 100% so với dự toán.

***Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:**

Sửa chữa đường dây trung thế và trạm biến áp 3 pha tại trụ 473DT/P173B/01 số tiền: 34.229.000 đồng.

1.6.3. Chi Trung tâm bồi dưỡng chính trị và Cơ quan Tổ chức - Nội vụ: 645.549.620 đồng, đạt 29,43% so với dự toán

1.7. Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 35.769.380.628 đồng, đạt 76,29% so với dự toán:

1.7.1. Chi quản lý Nhà nước: 14.386.988.269 đồng, đạt 78,21% so với dự toán. Trong đó Phòng y tế: 2.888.439.592 đồng.

***Chi bổ sung dự toán cho Phòng y tế với các nội dung:**

Chi công tác phòng, chống dịch covid -19; Chi lắp đặt hệ thống camera giám sát tại khu cách ly Trường THCS Long Toàn (cũ) và Trường MG Tuổi xanh (cũ) tổng số tiền: 3.366.258.000 đồng.

1.7.2. Chi khối Đảng: 16.907.758.562 đồng, đạt 71,92% so với dự toán.

*** Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:**

- Bổ sung kinh phí thực hiện Chi trả 30% cho đối tượng Nghỉ việc theo Nghị định 108; mua xe ô tô (5 chỗ ngồi) phục vụ chung cho công tác Văn phòng Thị ủy và HĐND-UBND thị xã Duyên Hải; Thực hiện quy trình công nhận xã An toàn khu đối với xã Trường Long Hòa; Mua bảo hiểm cháy nổ cơ quan, thiết bị âm thanh và bảo trì và lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy kho lưu trữ, trụ sở UBND thị xã; Kinh phí tổ chức Hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi năm 2021 tuyên truyền Nghị quyết đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp trong tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 và hỗ trợ Hội thi điểm phường 2; Kinh phí chi trả chế độ chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ; Thi tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, tuyển chọn công chức cấp xã năm 2021; Chi hội đồng và tổ thư ký giúp việc Hội đồng tuyển chọn chức danh chánh, Phó Chánh Thanh tra thị xã; Mua máy vi tính để bàn; Chi các khoản phí, lệ phí về việc mua xe ô tô phục vụ cho công tác chung của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải tổng số tiền: 2.257.032.000 đồng.

1.7.3. Chi khối Đoàn thể và hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: 4.474.633.797 đồng, đạt 89,84% so với dự toán.

*** Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:**

- Kinh phí tiền lương biên chế mới, nâng lương đến niên hạn; Kinh phí Đại hội Đại biểu phụ nữ nhiệm kỳ 2021-2026; Mua máy tính để bàn; Kinh phí quản lý Quỹ vì người nghèo; Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Mua máy photocopy; Mua máy tính xách; Mua máy in; Kinh phí quỹ hỗ trợ Hội Nông dân; Bổ sung kinh phí lương và hoạt động 01 biên chế theo QĐ số 277/QĐ/TXU ngày 26 tháng 01 năm 2021; Kinh phí di dời trụ sở làm việc của Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Thị Đoàn; Hội phụ nữ; Phụ cấp cấp ủy tổng số tiền: 832.759.000 đồng.

1.8. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 2.920.004.000 đồng, đạt 99,36% so với dự toán:

*** Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:**

- Bổ sung kinh phí để chi Công tác phòng chống dịch Covid 19; Kinh phí chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ địa phương; Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 với tổng số tiền: 1.492.654.000 đồng.

1.9. Chi Quốc phòng: 2.498.924.000 đồng, đạt 100% so với dự toán:

*** Chi bổ sung dự toán cho các nội dung:**

- Chi hội thi Pháp luật Dân quân tự vệ năm 2021 cấp thị xã, cấp tỉnh; Kinh phí huấn luyện hội thao Dân quân tổ bản mục tiêu bay thấp; Kinh phí diễn tập

phòng chống lụt bão xã Long Hữu, xã Dân Thành; Kinh phí mua sắm trang bị vật chất cho dân quân trực; Kinh phí chế độ Dân quân thường trực năm 2021; Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tổng số tiền: 1.428.924.000 đồng.

1.10. Chi Bảo vệ môi trường: 3.397.412.835 đồng, đạt 64,12% so với dự toán:

1.11. Chi Khoa học - công nghệ: 548.699.728 đồng, đạt 47,53% so với dự toán:

1.12. Chi thường xuyên khác: 2.390.410.000 đồng:

- Chi hỗ trợ ngân hàng chính sách theo Chỉ thị 40/BCT: 1.000.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân: 300.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ Hợp tác xã: 564.210.000 đồng.

- Chi khác ngân sách: 526.200.000 đồng.

1.13. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau: 32.576.174.441 đồng.

1.14. Chi nộp ngân sách cấp trên: 13.222.788.026 đồng.

1.15. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 39.565.471.370 đồng:

- Bổ sung cân đối: 24.148.612.000 đồng;

- Bổ sung mục tiêu: 15.416.859.370 đồng.

2. Chi ngân sách các xã, phường: 79.117.037.402 đồng, đạt 89,10% so dự toán:

*** Trong đó:**

- Phường 1: 11.797.715.319 đồng, đạt 84,47% so dự toán;

- Phường 2: 8.556.159.443 đồng, đạt 86,29% so dự toán;

- Xã Long Toàn: 12.746.012.499 đồng, đạt 92,54% so dự toán;

- Xã Long Hữu: 14.016.234.090 đồng, đạt 90,31% so dự toán;

- Xã Dân Thành: 13.110.541.848 đồng, đạt 90,27% so dự toán;

- Xã Trường Long Hòa: 9.321.203.343 đồng, đạt 89,22% so dự toán;

- Xã Hiệp Thạnh: 9.569.170.860 đồng, đạt 89,89% so dự toán;

*** Chi theo lĩnh vực:**

- Chi xây dựng cơ bản: 452.316.000 đồng;

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 368.178.540 đồng;

- Chi sự nghiệp văn hoá & thông tin: 1.315.680.631 đồng;

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế: 165.490.000 đồng;

- Chi quản lý Nhà nước: 44.393.381.649 đồng;

+ Quản lý Nhà nước: 34.079.191.385 đồng

+ Khối Đoàn thể: 5.282.770.048 đồng

+ Khối Đảng: 5.031.420.216 đồng

- Chi an ninh: 1.323.980.333 đồng

- Chi quốc phòng: 4.188.155.681 đồng;

- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 25.231.715.768 đồng;

- Chi nộp trả kinh phí cấp trên: 1.678.138.800 đồng.

III. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH:**1. Thu ngân sách địa phương hưởng: 561.007.575.826 đồng:**

- Ngân sách thị xã: 472.730.103.336 đồng;
- Ngân sách xã, phường: 88.277.472.490 đồng.

2. Chi ngân sách địa phương: 472.729.682.263 đồng:

- Ngân sách thị xã: 393.612.644.861 đồng
- Ngân sách xã, phường: 79.117.037.402 đồng

3. Kết dư ngân sách địa phương: 88.277.893.563 đồng:

- Ngân sách thị xã: 79.117.458.475 đồng;
- Ngân sách xã, phường: 9.160.435.088 đồng.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Các phòng, ban ngành thị xã (03 hệ);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Nhân

